

**BIỂU TỔNG HỢP CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐỊA BÀN XÃ TÂY ĐÔ**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /5/2026 của UBND xã Tây Đ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Thời
						Theo quy định
1	1.012796.H56	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	8
2	1.012817.H56	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	2256/QĐ-UBND	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	20
3	1.011608.000.00.00.H56	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1630/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	15
4	1.011607.000.00.00.H56	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1630/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	15
5	1.011606.000.00.00.H56	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	2250/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	15

6	1.011609.000.00.00.H56	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1630/QĐ-UBND	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	15
7	1.011466	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	2777/QĐ-UBND	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	30
8	1.011468	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một xã, phường (liên kết cấp xã) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	2777/QĐ-UBND	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	30
9	1.010736.000.00.00.H56	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	1832/QĐ-UBND	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Cấp Xã	15
10	1.004746.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	345/QĐ-VP	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	5
11	1.004772.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	345/QĐ-VP	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	5
12	1.004884.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	345/QĐ-VP	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	5
13	1.004859.000.00.00.H56	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	345/QĐ-VP	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	3
Tổng						181

TRÊN

ô)

gian giải quyết		Tỷ lệ cắt giảm (%)	Ghi chú
Thời gian sau cắt giảm	Thời gian cắt giảm		
6	2	25	
17	3	15	
10	5	33	
10	5	33	
10	5	33	

10	5	33	
25	5	17	
25	5	17	
10	5	33	
3	2	40	
3	2	40	
3	2	40	
2	1	33	
134	47	26	